

THỦ ẤN CỦA NHẬT THIÊN , NGUYỆT THIÊN

Biên dịch: HUYỀN THANH

NHẬT THIÊN



Nhật Thiên (tên Phạn là Àditya), dịch âm là A Nê Đế Gia. Lại xưng là Nhật Thiên Tử, Nhật Thần.

Tại Ấn Độ đem thần cách hóa Thái Dương (mặt trời) mà xưng là Nhật Thiên. Sau lại biệt xưng là Thái Dương Thần (tên Phạn là Sùrya, dịch âm là Tô Lợi Gia). Sau này khi truyền vào Mật Giáo thì trở thành một trong 12 vị Trời.

Do Đại Nhật Như Lai vì lợi ích chúng sinh trụ vào Tam Muội **Phật Nhật** tùy duyên hiện ra ở đời, lúc phá trừ các Ám thì tự nhiên mở hiển Tâm Bồ Đề giống như ánh sáng của mặt trời (thái dương) chiếu khắp chúng sinh, cho nên xưng là Nhật Thiên.

Nhật Thiên Thủ Ấn Phước Trí Hiển Hiện Ấn:

Tác Bát Ấn, kèm hai ngón cái vào trong lòng bàn tay, nghiêng dè phần gốc của hai ngón vô danh, gọi là Phước Trí hiển hiện. Đây là nghĩa Tâm Bồ Đề khai phát.



Chân Ngôn:

ॐ नमो सामन्ता बुद्धानाम् अदित्या स्वहा

a_ NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ ÀDITYA SVÀHĀ

ॐ वज्र कुण्डरी

b_ OM VAJRA-KUNḌARI

NGUYỆT THIÊN



Nguyệt Thiên (tên Phạn là Candra), lại xưng là Nguyệt Thiên Tử, Bảo Cát Tường Thiên Tử. Dịch âm là Chiên Đà La, Chiến Đạt La hoặc Chiến Nại La.

Bà La Môn Giáo của Ấn Độ đem thần cách hóa mặt trăng mà xưng là Nguyệt Thiên.

Trong Mật Giáo là một trong 12 vị Trời thuộc một trong 20 vị Trời tại Ngoại Bộ của Kim Cương Giới Mạn Đồ La, một Tôn trong Ngoại Kim Cương Bộ Viện của Thai Tạng Giới Mạn Đồ La. Là một trong Thiên Bộ ủng hộ Phật Pháp

_ Nguyệt Thiên Ấn:

Như Phạm Thiên Ấn, giương duỗi năm ngón tay rồi hơi co lại. Quán mặt trời, mặt trăng trong lòng bàn tay.



Chân Ngôn:

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् चन्द्राय स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ CANDRĀYA SVĀHĀ

03/01/2009